

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 02 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Y Blao Bkrông, ông Huỳnh Văn Bộ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2026/QĐXXST–HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Thân Tân

Địa chỉ: Thôn F, xã H, thành phố B (Nay là thôn F, xã H), tỉnh Đắk Lắk

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Thùy T

Địa chỉ: Thôn F, xã H, thành phố B (Nay là thôn F, xã H), tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ liên lạc: 243 T, phường P, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn ông Thân T1 trình bày:

Tôi và bà Trần Thị Thùy T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/9/2008 tại UBND xã H, thành phố B (nay là xã H), tỉnh Đắk Lắk

Quá trình chung sống như vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 5/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại và không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là **Thân Nữ Yên N** – sinh ngày 13/9/2008 và **Thân Minh Q** – sinh ngày 23/7/2012. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà **Trần Thị Thùy T vắng mặt.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắc Lắc phát biểu ý kiến:
Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông **Thân T1**. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Thân T1** được ly hôn với bà **Trần Thị Thùy T**. Về con chung: Giao cháu 02 con chung là **Thân Nữ Yên N** – sinh ngày 13/9/2008 và **Thân Minh Q** – sinh ngày 23/7/2012 cho ông **T2** Tân thăm nom chăm sóc con chung cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Bà **Trần Thị Thùy T** được quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông **Thân T1** yêu cầu ly hôn với bà **Trần Thị Thùy T**, địa chỉ cư trú tại **xã H, tỉnh Đắc Lắc**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắc Lắc.

Nguyên đơn ông **Thân T1** và bị đơn bà **Trần Thị Thùy T** đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ, ông **Thân T1** có đơn xin xét xử vắng mặt, bà **Trần Thị Thùy T** vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Thân T1** và bà **Trần Thị Thùy T** tự nguyện tìm hiểu, đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 04/9/2008 tại **Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B (nay là xã H), tỉnh Đắc Lắc** trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông **Thân T1** xác định quá trình chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa giải được. Hiện nay ông **T1** và bà **T** đã sống ly thân với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc ông T2 Tân xét thấy không còn tình cảm với bà Trần Thị Thùy T, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn cuộc sống kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Thân T1.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Thân T1 và bà Trần Thị Thùy T có 02 con chung là Thân Nữ Yến N – sinh ngày 13/9/2008 và Thân Minh Q – sinh ngày 23/7/2012. Ông Thân T1 có nguyện vọng được chăm sóc con chung. Cháu N và cháu Q đều có nguyện vọng ở với bố. Hội đồng xét xử xét thấy đề phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cháu Thân Nữ Yến N – sinh ngày 13/9/2008 và Thân Minh Q – sinh ngày 23/7/2012 cho ông Thân T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Thân T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thân T1.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Thân T1 được ly hôn với bà Trần Thị Thùy T.

Về con chung:

Giao cháu Thân Nữ Yến N – sinh ngày 13/9/2008 và Thân Minh Q – sinh ngày 23/7/2012 cho ông T2 Tân trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Các đương sự được quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông **Thân Tân P** chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001251 ngày 01/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hoài Trang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Dương sự;
- UBND xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

Lê Thị Hoài Trang

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

